

UNIT 7:

TRAFFIC

A CLOSER LOOK 2

- Youth club	(n) : câu lạc bộ thanh niên
- airport	(n) : sân bay, phi trường
- open-air market	(n) : chợ trời
- tricycle	(n) : xe đạp 3 bánh
- vehicle	(n) : xe cộ
- a desk job	(n) : công việc văn phòng
- play marbles	(v) : chơi bi
- pond	(n) : cái ao
- buffalo	(n) : con trâu